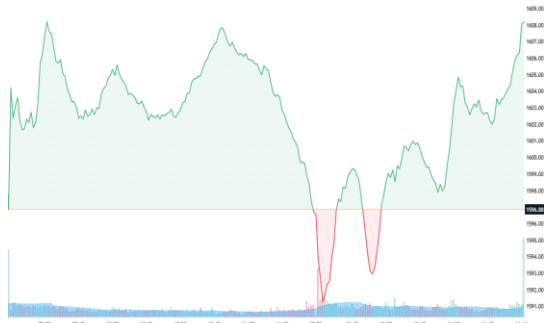


VN-INDEX


Giá trị đóng cửa	1.608,22
Biến động (%)	0,71%
Khối lượng (triệu CP)	1.646,68
Giá trị (tỷ đồng)	45.428,97
SLCP tăng giá	176
SLCP giảm giá	156
SLCP đứng giá	53

*Khối lượng và giá trị đã tính cả giao dịch thỏa thuận

HNX-INDEX


Giá trị đóng cửa	276,47
Biến động (%)	0%
Khối lượng (triệu CP)	141,95
Giá trị (tỷ đồng)	3.137,93
SLCP tăng giá	90
SLCP giảm giá	82
SLCP đứng giá	66

*Khối lượng và giá trị đã tính cả giao dịch thỏa thuận

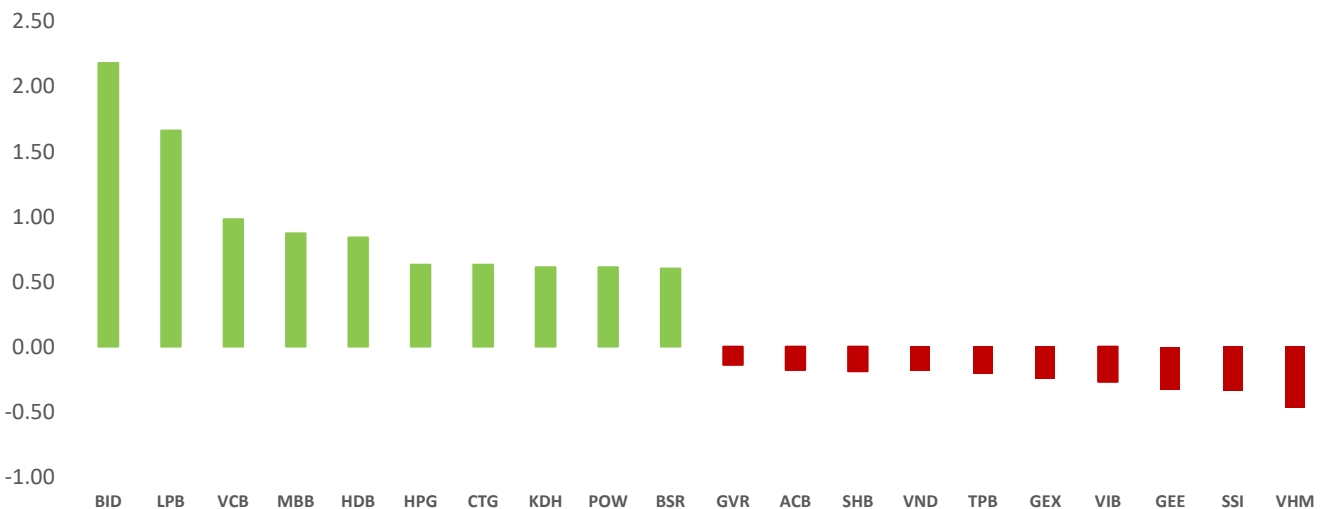
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG
Thị trường cơ sở

Phiên giao dịch ngày 12/08 mở cửa trong sắc xanh nhờ diễn biến tích cực của các cổ phiếu trụ như VCB, BID và HPG. Sau đó, MSN, FPT và VGC giao dịch khởi sắc giúp thị trường đi lên. Tuy nhiên, áp lực bán nhanh chóng xuất hiện tại VHM, GVR và GEX khiến đà tăng bị thu hẹp. Tại thời điểm đóng cửa phiên sáng, VN-Index ghi nhận mức giảm nhẹ 0,32 điểm. Bước sang phiên chiều, lực cầu gia tăng tại POW, CTG và MBB giúp thị trường hồi phục trở lại. Đồng thời, dòng tiền tiếp tục nhập tại VJC, BSR và GMD đã duy trì trạng thái tích cực của chỉ số về cuối phiên. Rổ VN30 đóng cửa với 9 mã đỏ, 2 mã tham chiếu và 19 mã xanh. Trong đó, bộ đôi LPB, HDB tăng hơn 3,5%. Ngoài ra, sắc xanh còn lan tỏa sang cổ phiếu ngành xây dựng với CII giữ vững sắc tím, HT1, DPG, PC1 tăng hơn 4,3%, tiếp theo là cổ phiếu ngành thực phẩm, thủy sản khi GIL, LSS, ANV, HSL tăng hơn 1,7%. Kết thúc phiên, VN-Index tăng 0,71% lên 1.608,22 điểm. Tương tự, HNX-Index tăng 0,01 điểm lên 276,47 điểm nhờ động lực tăng của HUT, NVB, KSF.

Thanh khoản trên sàn HOSE phiên hôm nay ghi nhận giá trị khoảng 45.428,97 tỷ đồng, tăng 0,34% về giá trị so với phiên hôm qua, trong đó giá trị giao dịch thỏa thuận chiếm khoảng 1.669,22 tỷ đồng.

Tự doanh tiếp tục bán ròng với giá trị khoảng 589,59 tỷ đồng, trong đó MBB là mã tự doanh bán ròng mạnh nhất (265,16 tỷ đồng). Lực bán ròng cũng tập trung tại các cổ phiếu khác như MBB, HPG, VIC... Ngược lại, chiều mua ròng chủ yếu hướng tới FPT (37,28 tỷ đồng)

Kết quả giao dịch tự doanh ngày 12/08 trên HOSE được tổng hợp chi tiết [tại đây](#)

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX


KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ THEO ĐỊNH GIÁ DOANH NGHIỆP

KHUYẾN NGHỊ MUA

Ngày khuyến nghị	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mở vị thế	Giá mục tiêu	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú	Thực hiện quyền
20/09/2024	PVT	18.95	20.75	26.6	-8.7%	Chi tiết	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:32
09/10/2024	QNS	49.3	45.5	53.1	8.4%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 2.000 đ/cp
06/12/2024	FRT	150	144.8	171	3.6%	Chi tiết	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1
14/03/2025	PC1	28.2	22.8	28.8	23.7%	Chi tiết	
21/03/2025	SAB	48.3	47.6	57.1	1.5%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 3.000 đ/cp
26/03/2025	QTP	13.2	13.7	16.7	-3.6%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 200đ/cp
27/03/2025	DBD	54.7	53.5	68.6	2.2%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 2.000 đ/cp
28/03/2025	PPC	11.4	11.7	13.95	-2.6%	Chi tiết	
31/03/2025	PAT	94	89.5	108	5.0%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 2.500 đ/cp
02/04/2025	GDT	21.05	22.05	26.1	-4.5%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 1.000 đ/cp
14/04/2025	PVI	63.5	62.4	74.3	1.8%	Chi tiết	
17/04/2025	VCP	27.5	25.5	31.8	7.8%	Chi tiết	
24/04/2025	LHG	33.35	25.7	35.15	29.8%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 1.900 đ/cp
04/06/2025	TCM	32.6	30.3	34.45	7.6%	Chi tiết	Phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 100:10
13/06/2025	MWG	72.2	62.5	72.7	15.5%	Chi tiết	Cổ tức bằng tiền, 1.000đ/cp
24/06/2025	AST	69.3	63.2	77.4	9.7%	Chi tiết	
30/06/2025	HVT	33.8	34.3	39.9	-1.5%	Chi tiết	
03/07/2025	VIP	13.8	12.55	15.4	10.0%	Chi tiết	
03/07/2025	BMI	21.3	20.8	25	2.4%	Chi tiết	
17/07/2025	PVS	37.9	33.4	39.7	13.5%	Chi tiết	

KHUYẾN NGHỊ BÁN

Ngày khuyến nghị	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mở vị thế	Giá bán mục tiêu	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú	Thực hiện quyền
03/04/2025	CHP	34	34	29.55	0.0%	Chi tiết	

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

KHUYẾN NGHỊ MUA ĐANG MỞ

Ngày khuyến nghị	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mở vị thế	Giá mục tiêu	Giá dừng lỗ	Hiệu suất sinh lời	Chiến lược đầu tư	Ghi chú
01/07/2025	VCB	63	58.2	66	55.5	8.2%	Trend trade	Chi tiết
10/07/2025	SAB	48.3	48.1	52.8	45.8	0.4%	Swing trade	Chi tiết
10/07/2025	PHP	38.4	38.8	46.3	36.5	-1.0%	Swing trade	Chi tiết
18/07/2025	LPB	38.05	34.6	38.9	32.6	10.0%	Swing trade	Chi tiết
22/07/2025	SGP	30.9	29.7	37	27.3	4.0%	Swing trade	Chi tiết
07/08/2025	TDH	5.15	5.11	6	4.6	0.8%	Swing trade	Chi tiết
08/08/2025	HAG	16.2	16.15	21	14.4	0.3%	Trend trade	Chi tiết
08/08/2025	CKG	15.6	15.45	17.75	14.4	1.0%	Swing trade	Chi tiết
08/08/2025	PVD	23	23	25.9	21.6	0.0%	Swing trade	Chi tiết

KHUYẾN NGHỊ MUA ĐANG MỞ – ĐIỀU CHỈNH GIÁ DO THỰC HIỆN QUYỀN

Ngày khuyến nghị	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mở vị thế	Giá mục tiêu	Giá dừng lỗ	Hiệu suất sinh lời	Chiến lược đầu tư	Ghi chú	Thực hiện quyền
04/07/2025	FPT	107.5	106.5	121.7	99.1	0.9%	Swing trade	Chi tiết	Cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 20:3
22/07/2025	HAH	63	55.3	64.2	51.2	13.9%	Swing trade	Chi tiết	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3 và Cổ tức bằng tiền, 1.000đ/cp

KHUYẾN NGHỊ MUA ĐÃ ĐÓNG

Ngày khuyến nghị	Mã cổ phiếu	Giá mở vị thế	Giá mục tiêu	Giá dừng lỗ	Hiệu suất sinh lời	Chiến lược đầu tư	Ngày chốt	Ghi chú
04/07/2025	MIG	17.3	18.7	16.5	11.3%	Swing trade	08/08/2025	Chốt lời tại giá 19.250 đ/cp

TIN TỨC

TẬN DỤNG 17 FTA ĐỂ BỨT PHÁ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Ngành nông nghiệp hướng tới khai thác tối đa 17 FTA, giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng sang khu vực tiềm năng để đạt mục tiêu 65 tỷ USD trong năm 2025.

Sáng 12/08, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức “Hội nghị thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025”.

Có 3 mặt hàng suy giảm tăng trưởng xuất khẩu

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong 7 tháng đầu năm 2025, tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước đạt 39,68 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Năm 2024, có 10/11 mặt hàng xuất khẩu chủ lực duy trì tăng trưởng về giá trị (trừ sản phẩm sắn) nhưng 7 tháng đầu năm 2025 chỉ còn 8/11 mặt hàng tăng trưởng là cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều, sắn và các sản phẩm từ sắn, chăn nuôi, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ; 3 mặt hàng suy giảm từ đầu năm cho đến nay là gạo (2,8 tỷ USD, giảm 16,3%), chè với tổng giá trị xuất khẩu không lớn nhưng bắt đầu suy giảm từ tháng 6/2025 (116,9 triệu USD, giảm 12,3%), mặt hàng nhiều thế mạnh là rau quả (3,84 tỷ USD, giảm 1,1%).

Trong 7 tháng đầu năm 2025, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tiếp tục được duy trì tại thị trường Hoa Kỳ và tăng trưởng mạnh mẽ ở các khu vực như EU, Nhật Bản, Trung Đông, châu Phi. Riêng thị trường Trung Quốc tăng trưởng thấp và suy giảm tại khu vực ASEAN.

Điều này cho thấy trong quý II vừa qua, các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp đã rất chủ động, nhạy bén, nỗ lực duy trì và mở rộng xuất khẩu các mặt hàng chủ lực sang tất cả các thị trường, bao gồm cả những mặt hàng có giá trị xuất khẩu còn thấp nhưng có tiềm năng phát triển như sản phẩm chăn nuôi chế biến.

Đồng thời, tăng tốc đơn hàng xuất khẩu các mặt hàng lợi thế như gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản, cà phê, hồ tiêu, hạt điều tại khu vực thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và chuyển hướng tăng cường xuất khẩu sang các khu vực thị trường tiềm năng như châu Phi, Trung Đông đối với một số nhóm hàng đang gặp khó khăn tại thị trường truyền thống như gạo, rau quả.

Trước những diễn biến bất định của thị trường thế giới, việc các doanh nghiệp chủ động đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hợp đồng đã ký kết xuất khẩu sang Hoa Kỳ, tích cực tìm kiếm, chuyển dịch sang thị trường xuất khẩu khác, tăng cường các thị trường truyền thống tiềm năng,... đã góp phần vào kết quả tăng trưởng xuất khẩu tốt trong 7 tháng đầu năm 2025.

Thị trường cuối năm dự báo nhiều khó khăn

Những tháng cuối năm 2025, theo dự báo của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các tổ chức quốc tế như Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), bối cảnh tăng trưởng toàn cầu đối mặt với áp lực từ nhiều phía, nhiều thách thức và bất định từ rủi ro địa chính trị, chính sách tiền tệ, căng thẳng thương mại và xu hướng công nghệ số đang định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các thị trường xuất khẩu nông sản truyền thống của Việt Nam tăng cường rào cản thương mại, thị trường EU tăng trưởng chậm và nhu cầu tiêu dùng yếu, Trung Quốc có nhiều biến động khó khăn về kinh tế,...

Bên cạnh đó, việc bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến và xuất khẩu, nhất là đảm bảo nguồn cung nguyên liệu, sẽ dẫn đến khả năng tác động dài hạn cho cả năm 2026. Đồng thời, sự suy giảm nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, như đồ gỗ nội thất sẽ diễn ra khi giá hàng hóa tăng mạnh đến tay người tiêu dùng cuối.

Việc mở cửa ngay các thị trường mới sẽ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật như biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT). Các nước sẽ tăng cường triển khai các biện pháp chống gian lận thương mại, kiểm soát xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc và bảo đảm an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, xu hướng giảm cầu tiêu dùng kéo theo giảm giá có thể tác động tiêu cực đến giá trị xuất khẩu của một số nhóm hàng chủ lực, trong đó có gạo và rau quả.

Tận dụng 17 FTA để bứt phá thị trường

Trong bối cảnh các thách thức lớn từ thị trường, xuất khẩu nông sản Việt Nam vẫn có lợi thế tương đối nhất định, nhất là các mặt hàng đã có thị phần lớn, chất lượng ổn định và chuỗi giá trị tương đối hoàn chỉnh, năng lực chế biến sâu, chi phí cạnh tranh (hạt điều, hồ tiêu, cá tra, tôm đông lạnh).

Ngoài ra, một số yếu tố cũng là cơ hội để các doanh nghiệp nghiên cứu và chủ động nắm bắt. Việc chuyển dịch và định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu tạo điều kiện cho các nền kinh tế mới nổi trong đó có Việt Nam. Việc nỗ lực đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, giảm phát thải carbon, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế giúp duy trì tín nhiệm của nhà nhập khẩu.

Cơ hội mở rộng thị trường từ 17 FTA đã được ký kết và có hiệu lực thực thi từ những năm vừa qua, không chỉ từ những thị trường lớn, truyền thống như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc mà còn mở rộng thêm các thị trường tiềm năng mới như Trung Đông, châu Phi, ASEAN.

Chính sách đối ngoại, thương mại thân thiện cùng với sự tích cực trong công tác đàm phán ký kết nghị định thư mở cửa thị trường thời gian qua là cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng có tiềm năng, đặc sản thế mạnh, chất lượng tốt của Việt Nam.

Năm 2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 65 tỷ USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2024. Với giá trị kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, sản thủy sản 7 tháng đầu năm 2025 ước đạt 39,2 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu trong 5 tháng cuối năm cần đạt trên 25 tỷ USD để có thể đạt và vượt mục tiêu 65 tỷ USD cho cả năm của ngành.

Để đạt được mục tiêu đặt ra, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho biết, từ nay đến cuối năm, bộ sẽ tiếp tục tập trung tăng cường các biện pháp mở cửa thị trường, thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường lớn, truyền thống. Tận dụng tối đa cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm có lợi thế của Việt Nam sang các thị trường tiềm năng, mới nổi. Quan tâm thúc đẩy thị trường tiêu thụ trong nước. Đa dạng hóa chuỗi sản phẩm, giá trị gia tăng.

Bên cạnh đó, bộ cũng đặt mục tiêu cho từng nhóm ngành hàng và từng thị trường cụ thể. Cùng với sự đồng hành của các bộ, ngành, địa phương, thì sự vào cuộc của các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp là hết sức quan trọng để đạt được mục tiêu xuất khẩu mà ngành đã đặt ra.

Nguồn: Tổng hợp

TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup – CTCP (VIC, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Vingroup công bố 2 trụ cột hoạt động mới Hạ tầng và Năng lượng xanh

CTCP Vincom Retail (VRE, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Vincom Retail (VRE) có động thái mới tại siêu dự án khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Hòa Phát (HPG) khai lò thổi số 2, Dung Quất 2 đã sẵn sàng

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Techcombank tái bổ nhiệm ông Jens Lottner làm Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2025 – 2030

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Lãi lớn quý 2, Vinaconex cùng nhiều ông lớn rót vốn vào dự án cao tốc gần 20 ngàn tỷ

CTCP Đầu tư Thương mại SMC (SMC, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Đầu tư Thương mại SMC (SMC) sẽ tiếp tục tái cấu trúc sau khi lỗ trong nửa đầu năm 2025

CTCP Chương Dương (CDC, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Chương Dương (CDC) muốn chào bán thêm cổ phiếu sau khi cổ đông lớn thoái 23,77% vốn

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Lãnh đạo Dabaco Việt Nam (DBC) đăng ký bán 500.000 cổ phiếu sau nhịp tăng giá 62,4%

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Novaland (NVL) sẽ phát hành 320 triệu cổ phiếu để hoán đổi nợ

CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SVC, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Savico tính vay 500 tỷ phát triển chuỗi showroom Geely, Lynk&Co

CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH (TNH, HOSE) (chi tiết xem [tại đây](#))

Chủ tịch Hoàng Tuyên không còn là cổ đông lớn tại Bệnh viện TNH

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG, HNX) (chi tiết xem [tại đây](#))

TNG phát hành hơn 6 triệu cổ phiếu ESOP giá 10.000 đồng/cp, gia đình Chủ tịch dự kiến mua gần 40%

CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (IPA, HNX) (chi tiết xem [tại đây](#))

Đầu tư I.P.A (IPA): Lợi nhuận quý II/2025 tăng mạnh, nhưng lũy kế 6 tháng vẫn giảm hơn 22%

CTCP Tập đoàn BGI (BGI Group – VC7, HNX) (chi tiết xem [tại đây](#))

BGI Group đổi phương án cổ tức 2024 sang tiền mặt, Chủ tịch hưởng lợi lớn

CTCP Thép Pomina (POM, UPCOM) (chi tiết xem [tại đây](#))

Thép Pomina (POM) báo lỗ sau thuế hơn 170 tỷ đồng trong quý II/2025

CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (TAR, UPCOM) (chi tiết xem [tại đây](#))

Trung An (TAR) muốn vay 190 tỷ đồng để mua gạo cho Kho dự trữ quốc gia

LỊCH SỰ KIỆN

Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Ghi chú
GSP	HOSE	13/08/2025	14/08/2025	23/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Chi tiết
GSP	HOSE	13/08/2025	14/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Chi tiết
SBM	UPCOM	13/08/2025	14/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
BDW	UPCOM	13/08/2025	14/08/2025	11/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.100 đồng/CP	Chi tiết
MBB	HOSE	13/08/2025	14/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:32	Chi tiết
MBB	HOSE	13/08/2025	14/08/2025	21/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 300 đồng/CP	Chi tiết
QNS	UPCOM	13/08/2025	14/08/2025	26/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
TOT	HNX	13/08/2025	14/08/2025	29/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2.000 đồng/CP	Chi tiết
SHC	UPCOM	14/08/2025	15/08/2025	29/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Chi tiết
SMB	HOSE	14/08/2025	15/08/2025	25/08/2025	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.000 đồng/CP	Chi tiết
ACE	UPCOM	14/08/2025	15/08/2025	15/09/2025	Trả cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền, 1.500 đồng/CP	Chi tiết
ACE	UPCOM	14/08/2025	15/08/2025	15/10/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
TID	UPCOM	14/08/2025	15/08/2025	25/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.100 đồng/CP	Chi tiết
VAB	HOSE	14/08/2025	15/08/2025		Nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 100:51,19	Chi tiết
EMS	UPCOM	14/08/2025	15/08/2025	29/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
PGD	HOSE	14/08/2025	15/08/2025	10/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.500 đồng/CP	Chi tiết
LM8	HOSE	14/08/2025	15/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
KSV	HNX	14/08/2025	15/08/2025	05/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.500 đồng/CP	Chi tiết
TSJ	UPCOM	14/08/2025	15/08/2025	15/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 994 đồng/CP	Chi tiết
IDC	HNX	14/08/2025	15/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Chi tiết

VIM	UPCOM	15/08/2025	18/08/2025	18/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Chi tiết
GTA	HOSE	15/08/2025	18/08/2025	27/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Chi tiết
MNB	UPCOM	15/08/2025	18/08/2025	29/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2.000 đồng/CP	Chi tiết
NQN	UPCOM	15/08/2025	18/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 287 đồng/CP	Chi tiết
SEB	HNX	15/08/2025	18/08/2025	25/08/2025	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Chi tiết
CCR	HNX	15/08/2025	18/08/2025	29/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Chi tiết
SFI	HOSE	15/08/2025	18/08/2025	25/08/2025	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
KTL	UPCOM	15/08/2025	18/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 750 đồng/CP	Chi tiết
DOC	UPCOM	15/08/2025	18/08/2025	24/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 300 đồng/CP	Chi tiết
WCS	HNX	15/08/2025	18/08/2025		Nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 5:1	Chi tiết
HNA	HOSE	15/08/2025	18/08/2025	08/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
HAD	HNX	15/08/2025	18/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.200 đồng/CP	Chi tiết
SHB	HOSE	18/08/2025	19/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:13	Chi tiết
SB1	UPCOM	18/08/2025	19/08/2025	18/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Chi tiết
BRR	UPCOM	19/08/2025	20/08/2025	29/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Chi tiết
RCL	HNX	19/08/2025	20/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:2	Chi tiết
PSL	UPCOM	19/08/2025	20/08/2025	10/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 250 đồng/CP	Chi tiết
MST	HNX	19/08/2025	20/08/2025		Trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025, tỷ lệ 100:10	Chi tiết
BTW	HNX	19/08/2025	20/08/2025	19/09/2025	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 900 đồng/CP	Chi tiết
DBM	UPCOM	19/08/2025	20/08/2025	04/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.150 đồng/CP	Chi tiết
FHS	UPCOM	19/08/2025	20/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Chi tiết
MBS	HNX	19/08/2025	20/08/2025	19/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.200 đồng/CP	Chi tiết

S99	HNX	19/08/2025	20/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Chi tiết
VSH	HOSE	20/08/2025	21/08/2025	30/09/2025	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP	Chi tiết
DPR	HOSE	20/08/2025	21/08/2025	29/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2.000 đồng/CP	Chi tiết
IME	UPCOM	20/08/2025	21/08/2025	16/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Chi tiết
TCH	HOSE	20/08/2025	21/08/2025		Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10:3, giá 10.000/CP	Chi tiết
BTT	HOSE	21/08/2025	22/08/2025	10/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.500 đồng/CP	Chi tiết
BTT	HOSE	21/08/2025	22/08/2025	02/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.500 đồng/CP	Chi tiết
VSN	UPCOM	22/08/2025	25/08/2025	10/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Chi tiết
HND	UPCOM	22/08/2025	25/08/2025	29/09/2025	Trả cổ tức còn lại năm 2024 bằng tiền, 100 đồng/CP	Chi tiết
NTC	UPCOM	22/08/2025	25/08/2025	25/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 6.000 đồng/CP	Chi tiết
NAV	HOSE	22/08/2025	25/08/2025	08/09/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Chi tiết
BMK	UPCOM	25/08/2025	26/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18	Chi tiết
PHR	HOSE	27/08/2025	28/08/2025	26/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.350 đồng/CP	Chi tiết
NBW	HNX	27/08/2025	28/08/2025	30/09/2025	Trả cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền, 1.600 đồng/CP	Chi tiết
ILB	HOSE	28/08/2025	29/08/2025	15/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.466 đồng/CP	Chi tiết
GAS	HOSE	28/08/2025	29/08/2025	25/11/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2.100 đồng/CP	Chi tiết
GAS	HOSE	28/08/2025	29/08/2025		Nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 100:3	Chi tiết
SZL	HOSE	28/08/2025	29/08/2025	19/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 3.000 đồng/CP	Chi tiết
DRL	HOSE	05/09/2025	08/09/2025	29/09/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2.000 đồng/CP	Chi tiết
HDW	UPCOM	09/09/2025	10/09/2025	30/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 810 đồng/CP	Chi tiết
BIC	HOSE	09/09/2025	10/09/2025	06/11/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.500 đồng/CP	Chi tiết
BIC	HOSE	09/09/2025	10/09/2025		Nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 100:72,3	Chi tiết

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu có thể được xem tại đây hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Trụ sở chính

Số 52 Lạc Long Quân, Phường
Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 19006446

Fax: (84.24) 37739058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà 136 – 138 Lê Thị
Hồng Gấm, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt
Nam

ĐT: 19006446

Fax: (84.28) 62910607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

Số 100 Quang Trung, phường Thạch
Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng,
Việt Nam.

ĐT: 19006446

Fax: (84.236) 3553 888

LIÊN HỆ

Khởi dịch vụ chứng khoán FPTTS



Lê Tú Anh

Chuyên viên hỗ trợ giao dịch

ĐT: 19006446

Fax: (024) 3773 9056

E-mail: anhlt@fpts.com.vn

Địa chỉ : Số 52, Lạc Long Quân, phường Bưởi,
quận Tây Hồ, Hà Nội

Website: www.fpts.com.vn